

Bản án số: 46/2024/HS-ST
Ngày : 20-3-2024

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ B, TỈNH LÂM ĐỒNG**

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trịnh Đình Tú.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Vũ Khắc Quế, bà Nguyễn Thị Kim Huế.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Bá Thanh - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố B.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Hằng - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 3 năm 2024 tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân thành phố B (TP. B), tỉnh Lâm Đồng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 34/2024/TLST-HS ngày 06 tháng 02 năm 2024, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 44/2024/QĐXXST-HS ngày 04 tháng 3 năm 2024 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Nguyễn Văn T**; tên gọi khác: Không; sinh năm: 1990; Tại: Thái Nguyên; giới tính: Nam; nơi ĐKNKTT: Tổ dân phố N, thị trấn T, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng; nơi cư trú: Số M đường L, phường L, TP. B, tỉnh Lâm Đồng; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; trình độ văn hóa: 12/12; nghề nghiệp: Lao động tự do; con ông: Nguyễn Hữu M và bà: Đặng Thị Th; vợ, con: Chưa có; tiền án, tiền sự: Không;

Nhân thân: Bản án số 118 ngày 25/11/2008 của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên tuyên phạt Nguyễn Văn T 06 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 18 tháng về tội Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có. Bản án số 06 ngày 29/3/2018 của Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Bắc Kạn tuyên phạt Nguyễn Văn T 42 tháng tù về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy. Ngày 11/5/2018 T chấp hành việc nộp án phí, ngày 24/7/2020 chấp hành xong hình phạt tù của bản án trên, hiện nay đã được xóa án tích; bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 04/12/2023 đến nay, có mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án: Chị Hồ Thị Mỹ D, sinh năm 1978; trú tại: Thôn T, xã L, TP. B, Lâm Đồng, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI D VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội D vụ án được tóm tắt như sau:

Năm 2021 Nguyễn Văn T đến TP. B làm công việc môi giới bất động sản, xử lý giấy tờ khi mua bán bất động sản cũng như đứng trung gian giới thiệu người cầm cố tài sản là xe ô tô hoặc giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Từ tháng 8/2022, thông qua các mối quan hệ làm ăn thì Nguyễn Văn T quen biết với chị Hồ Thị Mỹ D, trú tại thôn T, xã L, TP. B. Do có nhu cầu cần tiền để kinh doanh nên chị D đã vay tiền của T với hình thức đóng lãi hàng ngày, cụ thể như sau:

- Lần 1: Ngày 03/01/2023, tại khu vực UBND phường L, TP. B, T cho chị D vay số tiền 20.000.000 đồng, hai bên thỏa thuận mức lãi suất là 8.000 đồng/1.000.000 đồng/01 ngày, 10 ngày đóng lãi 01 lần. Việc vay tiền 02 bên có lập giấy vay tiền và T là người giữ. T sử dụng tài khoản ngân hàng chuyển tiền vay cho chị D, chị D sử dụng tài khoản ngân hàng Nam Á số “009090909” chuyển tiền lãi đến tài khoản ngân hàng Quân đội số “2630199099999” của T. Chị D đóng lãi cho T đến ngày 08/8/2023 (tức 218 ngày) thì không đóng nữa. Theo thỏa thuận thì trong thời gian trên chị D phải đóng cho T số tiền lãi là 34.880.000 đồng, nhưng chị D mới chỉ đóng được 28.200.000 đồng. Như vậy lãi suất hai bên thỏa thuận là 292%/năm, gấp 14,6 lần so với quy định của pháp luật, lãi suất theo quy định của pháp luật mà T được thu là 2.389.041 đồng, số tiền thu lợi bất chính mà T đã hưởng là 25.810.959 đồng.

- Lần 2: Ngày 16/3/2023, tại hồ cá T ở đường L, phường L, TP. B, T cho chị D vay số tiền 20.000.000 đồng, hai bên thỏa thuận mức lãi suất là 8.000 đồng/1.000.000 đồng/01 ngày, 10 ngày đóng lãi 01 lần. Việc vay tiền 02 bên có lập giấy vay tiền và T là người giữ. T đưa tiền mặt cho chị D và chị D sử dụng tài khoản ngân hàng Nam Á số “009090909” chuyển tiền lãi đến tài khoản ngân hàng Quân đội số “2630199099999” của T. Chị D đóng lãi cho T đến ngày 09/8/2023 (tức 147 ngày) thì không đóng nữa, theo thỏa thuận thì trong thời gian trên chị D phải đóng cho T số tiền lãi là 23.520.000 đồng, nhưng chị D mới chỉ đóng được 20.200.000 đồng. Như vậy lãi suất hai bên thỏa thuận là 292%/năm, gấp 14,6 lần so với quy định của pháp luật. Lãi suất theo quy định của pháp luật mà T được thu là 1.610.958 đồng, số tiền thu lợi bất chính mà T đã hưởng là 18.589.042 đồng. Như vậy tổng 02 lần T cho chị D vay với số tiền là 40.000.000 đồng với lãi suất gấp 14,6 lần so với lãi suất cao nhất quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự 2015 nhằm thu lợi bất chính với tổng số tiền là 44.400.001 đồng. Hiện chị D còn nợ T số tiền gốc là 40.000.000 đồng.

Do chị D không đóng tiền lãi theo thỏa thuận nên T sử dụng tài khoản Zalo của T để nhắn tin cho chị D nhắc việc đóng lãi, nhưng chị D không còn khả năng đóng tiền lãi cho T nữa nên ngày 31/10/2023 T đến tiệm kinh doanh hoa của chị D ở phường L, TP. B để đòi tiền và có hành vi giật đồ một số lẵng hoa của tiệm làm hư hỏng. Sau đó công an phường L triệu tập T về trụ sở làm việc.

Về vật chứng: Cơ quan điều tra đã thu giữ 01 thiết bị lưu trữ dữ liệu điện tử bên trong chứa 04 file hình ảnh. Đối với 02 giấy vay tiền giữa chị Hồ Thị Mỹ D và Nguyễn Văn T hiện nay không thu hồi được do T đã làm thất lạc.

Về trách nhiệm dân sự: Chị Hồ Thị Mỹ D yêu cầu T trả lại số tiền lãi vượt quá mức lãi suất cho vay cao nhất theo quy định của Bộ luật dân sự mà chị D đã đóng cho T.

Tại phiên tòa bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội của mình đúng như cáo trạng đã nêu, không thắc mắc khiếu nại đối với nội dung bản cáo trạng. Bị cáo nhận thức hành vi của mình là vi phạm pháp luật hình sự.

Bản Cáo trạng số 44/CT-VKS.BL ngày 05 tháng 02 năm 2024 của Viện kiểm sát nhân dân TP. B, tỉnh Lâm Đồng truy tố bị cáo Nguyễn Văn T về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” theo khoản 1 Điều 201 Bộ luật Hình sự 2015;

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên Quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 201; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 35 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo T từ 80.000.000 đồng (*Tám mươi triệu đồng*) đến 100.000.000 đồng (*Một trăm triệu đồng*) và đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo. Buộc bị cáo T nộp khoản tiền lãi tương ứng mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật dân sự đã thu của người vay là 3.999.999 đồng nộp vào Ngân sách Nhà nước. Buộc chị Hồ Thị Mỹ D có nghĩa vụ nộp lại khoản tiền gốc đã vay của bị cáo T là 40.000.000 đồng (*Bốn mươi triệu đồng*) tịch thu sung vào Ngân sách Nhà nước. Buộc bị cáo T trả lại cho chị D khoản tiền thu lợi bất chính là 44.400.001 đồng. Buộc bị cáo T chịu 200.000 đồng án phí Hình sự sơ thẩm.

Bị cáo T xin giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội D vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra công an TP. B, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân TP. B, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Về căn cứ xác định tội: Từ ngày 03/01/2023 đến ngày 16/3/2023, tại TP. B, tỉnh Lâm Đồng, Nguyễn Văn T đã thực hiện hành vi cho chị Hồ Thị Mỹ D vay tiền 02 lần với hình thức vay trả tiền lãi theo ngày. Tổng số tiền mà T đã cho chị D vay là 40.000.000 đồng, lãi suất 292%/năm, vượt mức lãi suất quy định của Bộ luật dân sự là 14,6 lần. Tổng số tiền lãi mà T đã thu từ chị D là 48.400.000 đồng, trong đó lãi suất được hưởng theo quy định của pháp luật là 3.999.999 đồng, số tiền thu lợi bất chính là 44.400.001 đồng. Đối chiếu lời khai của bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có đủ căn cứ khẳng định hành vi của bị cáo T đã phạm vào tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 201 Bộ luật Hình sự 2015;

[3] Về tính chất, mức độ, hậu quả hành vi phạm tội: Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến trật tự quản lý kinh tế của nhà nước trong lĩnh vực tài chính, tín dụng, mang tính chất bóc lột, làm cho người vay tiền lâm vào hoàn cảnh

khó khăn, gây bất bình trong quần chúng nhân dân, làm ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh trật tự tại địa phương. Do vậy cần áp dụng mức hình phạt nghiêm tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội mà bị cáo đã thực hiện.

[4] Về nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tiền án, tiền sự nhưng có nhân thân xấu. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Xét thấy: Đối với loại tội phạm này cần áp dụng hình phạt tiền là hình phạt chính cũng đủ tác dụng răn đe và phòng ngừa chung.

[5] Về hình phạt bổ sung: Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[6] Biện pháp tư pháp: Đối với số tiền gốc bị cáo T chưa thu về của 02 lần vay là 40.000.000 đồng cần buộc người vay là chị Hồ Thị Mỹ D giao nộp để tịch thu sung vào Ngân sách Nhà nước. Đối với khoản tiền thu lợi bất chính là 44.400.001 đồng, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan yêu cầu được trả lại nên cần buộc bị cáo T trả lại cho chị D. Đối với khoản tiền lãi tương ứng mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật dân sự mà bị cáo đã thu của người vay 3.999.999 đồng cần buộc bị cáo T giao nộp để sung vào Ngân sách Nhà nước.

[7] Xử lý vật chứng: Đối với 01 thiết bị lưu trữ dữ liệu điện tử bên trong chứa 04 file hình ảnh là chứng cứ kèm theo hồ sơ vụ án nên không đề cập giải quyết.

[8]. Về án phí: Bị cáo T phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

1/ Về tội danh và hình phạt: Tuyên bố bị cáo **Nguyễn Văn T** phạm tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”;

Áp dụng khoản 1 Điều 201; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 35 Bộ luật Hình sự năm 2015: Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T số tiền 100.000.000đồng (*Một trăm triệu đồng*).

2/ Biện pháp tư pháp: Áp dụng điểm a, b khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự: Buộc bị cáo T nộp số tiền 3.999.999 đồng (*Ba triệu chín trăm chín mươi chín ngàn chín trăm chín mươi chín đồng*) tịch thu sung vào Ngân sách Nhà nước; buộc chị Hồ Thị Mỹ D phải nộp số tiền 40.000.000 đồng (*Bốn mươi triệu đồng*) tịch thu sung vào Ngân sách Nhà nước. Buộc bị cáo T có nghĩa vụ trả lại cho chị D số tiền 44.400.001 đồng (*Bốn mươi bốn triệu bốn trăm ngàn lẻ một đồng*).

3/ Về án phí: Căn cứ Khoản 2 Điều 136 BLTTHS năm 2015 và Nghị quyết số 326 của Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án buộc bị cáo T phải nộp 200.000đ (*hai trăm ngàn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm;

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án bị cáo có quyền kháng cáo, riêng người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ

ngày nhận được hoặc ngày niêm yết bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND tỉnh Lâm Đồng;
- Sở tư pháp;
- VKSND TP B;
- Công an TP. B;
- Người tham gia tố tụng;
- Chi cục T.H.A dân sự tp B;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trịnh Đình Tú

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND TP Bảo Lộc;
- Người tham gia tố tụng
- Chi cục T.H.A dân sự tp Bảo Lộc;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trịnh Đình Tú

